

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/DS-PT

Ngày: 16-4-2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Thành Công

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương và ông Chu Trần Khánh Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2024/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1950; Nơi thường trú: Xóm 4, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định;

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1955; Nơi thường trú: Xóm 4, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1949; Nơi thường trú: xóm 4, (xóm 10 cũ), xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957; Nơi thường trú: Xóm 1, xã Ng1, huyện Ng, tỉnh Nam Định;

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Nơi thường trú: Số nhà 106, phố T, phường T, Thành phố N, tỉnh Nam Định;

4. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1964; Nơi thường trú; số 76, dốc Th, tập thể Th, phòng 112, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị B1 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B (văn bản ngày 11-7-2023);

5. Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Xóm 4, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định; Bà Vũ Thị H1 đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân H (văn bản ủy quyền ngày 15-6-2023).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Ch là bị đơn, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Ng; vắng mặt bà Vũ Thị H1 có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1927, chết ngày 27-3-2014, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1927, chết ngày 18-8-1986. Bố mẹ ông sinh được 7 người con để không có con nuôi gồm: bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1949; ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1950; ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1955; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966 và chết năm 2021, không có chồng con.

Sinh thời bố mẹ ông có thửa đất số 369, tờ bản đồ số 2 diện tích đất là 792m², trong đó đất ở 288m², đất ao 504m² thời điểm này bố mẹ ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bên cạnh thửa đất của bố mẹ ông là hộ cụ H2 (cụ Nguyễn Văn H2 là anh trai của cụ Ph) có diện tích đất ao là 276m². Năm 1991 lúc đó mẹ ông là Nguyễn Thị H1 đã chết, bố ông có mua của cụ H2 diện tích đất ao 276m², (bố ông có nói với Hợp tác xã là mua đất ao của anh trai là H2, Hợp tác xã nhất trí). Sau khi bố ông mua đất ao của cụ H2 đã vượt thành thổ và xây dựng công trình phụ (thời gian ông không nhớ). Do con cái đông nên bố ông có cho ông Nguyễn Văn Ch sang ở phần đất mà bố mua của cụ H2 để ở nhưng bố ông chưa làm bất kỳ một thủ tục gì về cho đất. Trên thửa đất này bố mẹ ông có xây dựng nhà 5 gian cấp 4. Ngày 15-11-2011 bố ông có lập di chúc cho ông thửa đất số 247, tờ bản đồ số 08 có diện tích đất là 612m² trong đó có đất ở 264m², đất ao 348m² và cùng căn nhà 5 gian cấp 4, (thửa đất này ngày 13-3-2001 đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Ph). Bản di chúc này do chính tay bố ông viết và có sự chứng nhận của ông trưởng họ là Nguyễn Ngọc Đ nhưng di chúc không có sự chứng thực của chính quyền địa phương. Thời điểm bố ông viết di chúc để thửa đất này cho ông thì lúc đó ông đang lao động xuất khẩu là Cộng hòa liên bang Đức. Năm 1985 ông đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến năm 2016

ông về và ở căn nhà của bố mẹ ông, thời điểm này bố ông đã chết, chỉ còn em gái là Nguyễn Thị D ở cùng ông (bà D bị tâm thần). Cùng năm đó ông sửa chữa nhà chính 5 gian, trước khi làm ông có trao đổi với ông H, ông H có nói là di chúc của bố như thế thì anh cứ đo đất cho ông Ch, còn lại là đất của anh sử dụng, sau đó ông làm bóc hết áo tường và ốp gạch vào tường cả mặt trong và mặt ngoài của căn nhà, ngoài ra ông có xây công trình phụ và bếp ăn diện tích khoảng 40m² hết khoảng 40 triệu đồng, lát sân gạch diện tích khoảng 70m² hết khoảng 20.000.000đ; tường hoa trước nhà, tường bao giáp đất ông Ch; những khoản tiền này do ông bỏ ra. Năm 2018 ông lấy vợ là bà Vũ Thị H1, vợ chồng ông có xây thêm một nhà kho diện tích khoảng 20m² hết 20.000.000đ, ngoài ra vợ chồng ông còn thuê người vượt 1 phần ao phía đông thành thổ nổi hết 12.000.000đ, sau đó làm chuồng lợn, chuồng gà, xây tường bao phía đông (ao sâu khoảng 1,5m rộng 4, chiều dài 13 khoảng 53m² trên phần đất này chính là xây nhà kho còn lại đất nổi), diện tích ao còn lại chưa lấp là 296m². Khi ông xây dựng các công trình trên anh em trong gia đình không ai có ý kiến gì.

Tháng 3 năm 2023 anh em trong gia đình họp lại với nhau không cho ông sửa chữa nhà cửa của bố mẹ, anh chị em trong gia đình gây khó khăn và chửi vợ ông dẫn đến anh em trong gia đình mất đoàn kết. Ông có đặt vấn đề với anh chị em trong gia đình là bố có văn bản di chúc là để cho ông được sử dụng diện tích đất 612m² cùng căn nhà gói 5 gian để thờ cúng, nhưng anh em trong gia đình không nhất trí và yêu cầu ông từ nay anh em về tự làm cơm lấy và không nhờ vợ chồng ông. Vợ chồng ông không có xích mích gì với anh em.

Đối với phần đất mà bố ông đã cho ông Nguyễn Văn Ch thì ông không có ý kiến gì nữa. Ông tìm hiểu di chúc của bố ông viết không tuân thủ theo quy định của pháp luật nên không có giá trị về mặt pháp lý, do vậy ông đề nghị Tòa án xem xét phân chia di sản của bố ông diện tích đất là 612m² cùng căn nhà 5 gian cấp 4. Ông tìm hiểu được biết mẹ ông mất năm 1986 đến nay là 37 năm, vì vậy phần di sản của mẹ ông đã hết thời hiệu khởi kiện, phần di sản hết thời hiệu khởi kiện thì thuộc về người đang quản lý trông coi mà ông là người trực tiếp đang quản lý sử dụng mấy năm nay nên ông là người được hưởng, còn khi bố ông còn sống đến lúc chết thì có em gái ông là Nguyễn Thị D là ở cùng, còn các anh chị em khác ở riêng. Theo giấy chứng nhận quyền dụng đất của bố ông thì diện tích đất là 612m². Căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế ngày 10-8-2023 diện tích đất của bố mẹ ông là 688m², trong đó của bố ông là 344m², của mẹ ông 344m², phần của mẹ ông hết thời hiệu thuộc về ông, còn phần của bố ông là 344m², ông đề nghị Tòa án chia di sản của bố ông cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, kỷ phần của ông được hưởng ông xin nhận là quyền sử dụng đất cùng các công trình xây dựng mà ông đã bỏ tiền ra xây trên phần đất mình được hưởng. Đối với các công trình của bố mẹ ông xây dựng đều đã hết khấu hao không còn giá trị ông không yêu cầu Tòa án xem xét. Nếu các thừa kế khác không nhận quyền sử dụng đất mà nhận bằng tiền là giá trị quyền sử dụng đất thì ông nhận và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền. Trường hợp mà Tòa án giao cho các thừa kế được quyền sử dụng đất mà trên phần đất đó có công trình xây dựng (kể cả căn nhà) mà ông đã bỏ tiền ra thì ông cũng không yêu cầu người đó phải thanh

toán lại giá trị cho ông.

* Tại biên bản lời khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ông Nguyễn Xuân H trình bày về quan hệ huyết thống bố mẹ, anh chị em trong gia đình là đúng. Bố mẹ ông sinh được 7 người con đẻ, không có con nuôi, trong đó có bà Nguyễn Thị D đã chết năm 2021 không có chồng con; hiện nay còn lại 6 người còn sống.

Khi bố mẹ ông còn sống theo bản đồ lập năm 1987 có thửa đất số 369, tờ bản đồ số 2 xã X1 thể hiện diện tích đất là 792m² trong đó đất ở 288m², đất ao là 504m², thửa đất này đã UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 13-03-2001 diện tích đất là 612m², trong đó đất ở 264m², đất ao là 348m². Trên thửa đất này vào khoảng năm 1973 bố mẹ ông có kiến thiết xây dựng căn nhà 5 gian cấp 4 và công trình phụ là bếp. Sau khi mẹ ông qua đời bố ông và em gái ông là Nguyễn Thị D là người trực tiếp quản lý trông coi. Sau khi bố ông qua đời được 1 năm (năm 2014) thì ông H từ Đức trở về và ở cùng với bà D và quản lý căn nhà đất đai của bố mẹ ông. Sau khi bà D chết thì ông H là người quản lý tài sản nhà, đất của bố mẹ.

Ban đầu ông không biết bố ông có di chúc, khi xã hòa giải giữa anh em trong gia đình thì lúc đó ông mới biết là có văn bản di chúc của bố ông, khi cán bộ xã giải thích về di chúc của bố ông, chị em ông không ai nhất trí với di chúc cho rằng di chúc đó là không hợp pháp. Quan điểm của ông H về di chúc chỉ nghe thôi và không có ý kiến về di chúc này. Khoảng năm 2016 ông H không bàn bạc với anh chị em mà tự ý tu sửa căn nhà 5 gian của bố mẹ là bóc hết lớp áo tường ngoài và tường trong của căn nhà đi để ốp gạch men, bếp của của bố mẹ ông H đã phá đi và xây bếp mới, ngoài ra xây thêm 01 nhà phụ để chứa đồ và san lấp một phần ao phía đông thửa đất, xây nhà tạm để nuôi vịt, xây tường bao trước nhà ông. Ông biết ông H làm những công trình trên nhưng ông không phản đối gì. Đối với các bà là con gái thì cũng không tôn trọng ông nên anh em trong gia đình bất hòa không có tiếng nói chung.

Tháng 4 năm 2023 ông H định tháo dỡ mái ngói của căn nhà 5 gian để đổ bê tông mái bằng nhưng không bàn bạc với ai, anh em thấy thế ngăn cản không cho ông H dỡ nên anh chị em đã phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến ông H làm đơn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Năm 2018 ông H lấy bà Vũ Thị H hai người không có con, bà H có 01 con riêng. Bà H có đóng góp với ông H như thế nào thì ông không nắm được.

Đối với thửa đất mà gia đình ông đang sử dụng; năm 1977 ông lấy vợ tên là Lê Thị Hảo, sau khi lấy vợ, vợ chồng ông và con cái ở cùng với bố mẹ ông, do điều kiện hoàn cảnh ở trật trội bố ông có hỏi cụ Nguyễn Đức H2 là anh trai của cụ Ph mua đất ao diện tích là 276m² cho vợ chồng ông, cụ H2 đã nhất trí bán, vợ chồng ông mua đất ao này với 3 chỉ vàng, khi mua bán có người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc Đ là trưởng họ và ông Nguyễn Duy Cộng hiện còn sống và ở xóm 4, xã X1. Thửa này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật, theo như bản đồ lập chính lý năm 1997 diện tích đất của nhà ông là 288m² (ao). Thực

tế thừa đất này vợ chồng ông đã san lấp thành thổ, năm 1996 vợ chồng ông đã kiến thiết xây dựng các công trình. Vì vậy, thửa đất này không liên quan đến đất của bố mẹ ông đang có tranh chấp và giáp với thửa đất của bố mẹ ông, hai bên đã xây tường bao và ranh giới rõ ràng.

Nay ông Nguyễn Xuân H khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông, thực ra bản thân anh chị em ông không muốn phải ra tòa để giải quyết tranh chấp đất đai chia di sản thừa kế của bố mẹ. Anh chị em ông có ý kiến là cứ để cho ông H ở trên thửa đất của bố mẹ và trông coi thửa đất và hương khói cho bố mẹ hết đời ông H và anh em có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tu sửa căn nhà của bố mẹ. Nhưng nay ông H quyết tâm chia di sản của bố mẹ ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Đối với phần di sản của mẹ ông đã hết thời hiệu khởi kiện ông H không khởi kiện chia ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét. Khi Tòa án chia di sản của bố ông theo quy định của pháp luật thì kỷ phần của ông được hưởng ông xin nhận là quyền sử dụng đất.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của ông H, ông Ch về quan hệ huyết thống bố mẹ, anh chị em trong gia đình cũng như nguồn gốc thửa đất và nhà: Khi bố mẹ bà còn sống có thửa đất số 369, tờ bản đồ số 2 diện tích đất là 792m², trong đó đất ở 288m², đất ao 504m² thời điểm này bố mẹ bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bên cạnh thửa đất của bố mẹ bà là hộ cụ H2 (cụ Nguyễn Văn H2 là anh trai của cụ Ph) có diện tích đất ao là 276m². Năm 1991 lúc đó mẹ bà là Nguyễn Thị H1 đã chết, bố bà có mua của cụ H2 diện tích đất ao 276m². Sau khi bố bà mua đất ao của cụ H2 đã vượt thành thổ và xây dựng công trình phụ (thời gian không nhớ). Do con cái đông nên bố bà có cho ông Nguyễn Văn Ch sang ở phần đất mà bố bà mua của cụ H2 để ở, nhưng bố bà chưa làm bất kỳ một thủ tục gì về cho đất. Trên thửa đất của bố mẹ bà có xây dựng nhà 5 gian cấp 4. Ngày 15-11-2011 bố bà có lập di chúc cho ông H thừa đất số 247, tờ bản đồ số 08 có diện tích đất là 612m² trong đó có đất ở 264m², đất ao 348m² và cùng căn nhà 5 gian cấp 4, (thửa đất này ngày 13-3-2001 đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Ph) di chúc này do chính tay bố bà viết và có sự chứng nhận của ông trưởng họ là Nguyễn Ngọc Đ nhưng di chúc không có sự chứng thực của chính quyền địa phương. Thời điểm bố bà viết di chúc để cho Huy thừa đất này thì lúc đó ông H đang đi xuất khẩu lao động. Năm 2017 ông H không đi xuất khẩu lao động nữa mà về ở nhà của bố mẹ bà. Khi ông H về thì bố bà đã chết, ông H ở cùng với bà Nguyễn Thị D, bà D không đi lấy chồng. Ông H về được khoảng 2 tháng thì ông H có tu sửa căn nhà của bố mẹ bà là bóc áo tường nhà cả trong và ngoài ra để chát lại. Khi ông H làm không thông báo cho anh chị em biết, ông H làm hết bao nhiêu tiền thì bà không biết. Ngoài ra ông H còn rở mái bếp ra và đổ mái bằng, tường móng nhà vẫn giữ nguyên như cũ, ông H còn vét bùn ao cho sạch sẽ. Ông H xây tường bao trước nhà ông Ch để ngăn giữa nhà ông Ch và ao. Trước đây bà có trình bày với quý Tòa là khi ông H sửa chữa nhà trong đó bà B1 đã góp 10.000.000đ, bà góp 38.000.000đ, bà Ng 10.000.000đ; số tiền này bà B là người trực tiếp đưa cho ông H và có bà Ng là người chứng kiến. Nay bà

xin được trình bày lại là khoản tiền 3 chị em bà đưa để cho ông H xây lại mộ cho bố mẹ chứ không phải là sửa chữa nhà cửa.

Đối với phần đất mà bố bà đã cho ông Ch thì anh chị em bà không ai có ý kiến gì. Khi ông Ch vượt đất xây nhà thì ông Ch có xin bố bà thêm một ít đất bố bà đã đồng ý và cho ông Ch 2m chiều rộng để cho ông Ch làm nhà được rộng rãi. Khi mẹ bà mất đi thì bố bà là người quản lý, còn anh chị em bà đi lấy chồng mỗi người một nơi, còn bà Nguyễn Thị D không đi lấy chồng ở cùng với bố bà, khi bố bà chết đi thì bà D là người quản lý trông coi nhà của bố mẹ. Ông H đi lao động xuất khẩu lao động từ năm 1988 đến năm 2017 mới về ông H về ở nhà của bố mẹ, còn bà D chết năm 2021. Nay ông H khởi kiện chia di sản của bố bà là cụ Nguyễn Văn Ph quan điểm của bà là đất đai của bố mẹ thì anh em để lại làm nơi thờ tự và không chia.

Trường hợp mà phải chia di sản của bố mẹ bà theo quy định của pháp luật, trong đó Tòa án đã giải thích cho bà là ông H khởi kiện chia phần di sản của bố bà, còn phần di sản của mẹ bà đã hết thời hiệu khởi kiện ông H không đề nghị chia. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bà. Kỳ phần mà bà được hưởng bà xin nhận là quyền sử dụng đất cũng như giá trị căn nhà, sau này chị em bà được hưởng rồi tự thỏa thuận để chị em vào cùng một chỗ cho thuận lợi thờ cúng bố mẹ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của bà Nguyễn Thị B về quan hệ huyết thống bố mẹ, anh chị em ruột trong gia đình và nguồn gốc thửa đất của bố mẹ. Sau khi bố bà mua đất ao của cụ H2 đã vượt thành thổ và xây dựng công trình phụ. Do con cái đông nên bố bà đã cho ông Nguyễn Văn Ch sang ở phần đất mà bố mua của cụ H2 để ở nhưng bố bà chưa làm bất kỳ một thủ tục gì về cho đất. Trên thửa đất của bố mẹ bà có xây dựng nhà 5 gian cấp 4. Ngày 15-11-2011 bố bà có lập di chúc cho ông H thừa đất số 247, tờ bản đồ số 08 có diện tích đất là 612m² trong đó có đất ở 264m², đất ao 348m² và cùng căn nhà 5 gian cấp 4, (thửa đất này ngày 13-3-2001 đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Ph) di chúc này do chính tay bố bà viết và có sự chứng nhận của ông trưởng họ là Nguyễn Ngọc Đ nhưng di chúc không có sự chứng thực của chính quyền địa phương. Thời điểm đó bố bà viết di chúc để cho Huy thừa đất này lúc đó ông H đang đi xuất khẩu lao động. Năm 2017 ông H không đi xuất khẩu lao động nữa mà về ở nhà của bố mẹ. Khi ông H về thì bố bà đã chết, ông H ở cùng với bà Nguyễn Thị D, bà D không đi lấy chồng. Năm 2018 ông H kết hôn với bà Vũ Thị H1.

Ông H về được khoảng 2 tháng thì ông H có tu sửa căn nhà của bố mẹ bà nhưng ông H không thông báo bàn bạc với chị em bà, nhưng chị em bà đều biết và không phản đối, chị em bà nghĩ ông H tu sửa là ở một mình nhưng sau đó ông H lại đi lấy vợ. Ông H làm hết bao nhiêu tiền thì bà không biết. Ngoài ra ông H còn dỡ mái bếp của bố mẹ ra và đổ mái bằng, tường móng nhà vẫn giữ nguyên như cũ, ông H còn vét bùn ao cho sạch sẽ. Ông H còn xây tường bao trước nhà ông Ch để ngăn giữa nhà ông Ch với ao. Trước đây bà có trình bày là khi ông H tu sửa nhà bà có đưa

cho ông H 10.000.000đ nay bà xin được đính chính lại là khi ông H tu sửa nhà bà không đưa tiền cho ông H mà số tiền này bà đưa cho ông H xây mộ bố mẹ năm 2019.

Đối với phần đất mà bố bà đã cho ông Ch thì anh chị em bà không ai có ý kiến gì. Khi ông Ch vượt đất xây nhà thì ông Ch có xin bố bà thêm một ít đất bố bà đã đồng ý và cho ông Ch 2m chiều rộng để cho ông Ch làm nhà được rộng rãi. Khi mẹ bà chết đi thì bố bà là người quản lý, còn anh chị em bà đi lấy chồng mỗi người một nơi, còn bà Nguyễn Thị D không đi lấy chồng ở cùng với bố bà, khi bố bà chết đi thì bà D là người quản lý trông coi nhà của bố mẹ. Năm 2017 ông H mới về ở nhà của bố mẹ bà, bà D chết năm 2021. Ông H trình bày san lấp 1 phần đất ao để xây nhà tạm là không đúng, bởi phần đất đã có, ông H xây nhà tạm để lầu rệu.

Quan điểm của bà đất, nhà của bố mẹ mà nay ông H khởi kiện anh chị em bà muốn là để làm nơi thờ cúng bố mẹ không chia để sau này các con, các cháu có chỗ đi về. Nếu Tòa án chia thì bà đề nghị Tòa án chia đất cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, kỷ phần của bà được hưởng xin nhận là quyền sử dụng đất.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H, ông Ch, bà Ng, bà B trình bày về quan hệ huyết thống bố mẹ, anh chị em ruột trong gia đình cũng như nguồn gốc thửa đất của bố mẹ là đúng. Khi ông H tu sửa chữa nhà cửa của bố mẹ ông H có gọi cho ông về để ông trông nom thợ, ông không phải bỏ tiền ra để tu sửa nhà cửa, tiền do ông H bỏ ra. Đầu năm 2017 ông H về ở nhà của bố mẹ ông và quản lý trông coi nhà cửa và ở cùng với bà D. Nếu ông có tính tham lam cũng như sự việc như ngày hôm nay thì không bao giờ ông đưa hết cho các văn bản như di chúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố ông cho ông H. Quan điểm của ông là nhà cửa, đất đai của bố mẹ để lại làm nơi thờ cúng, ông không nhất trí chia di sản thừa kế của bố ông. Trước mắt cứ để cho ông H sử dụng, quản lý trông coi nhà của bố mẹ, sau này ông H chết làm nơi từ đường để anh chị em đi về có nơi thờ cúng. Trong trường hợp mà Tòa án chia di sản thừa kế của bố ông theo quy định của pháp luật thì kỷ phần của ông được hưởng ông xin nhận là quyền sử dụng đất để sau này anh chị em ông làm nơi từ đường. Ông H cho rằng đối với phần tài sản của mẹ ông đã hết thời hiệu khởi kiện không đề nghị chia ông đề nghị Tòa án chia cả phần này, vì phần này ông H không phải là người quản lý trông coi di sản của bố mẹ ông mà trước đây bà D sau khi bố ông qua đời là người quản lý. Đối với căn nhà 5 gian cấp 4 là di sản của bố mẹ ông, ông đề nghị Tòa án xem chia theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Về quan hệ anh em trong gia đình cũng như nguồn gốc thửa đất của bố mẹ như các anh chị đã trình bày là đúng. Theo nguyện vọng của bà khi UBND xã làm việc và hòa giải, anh em chị bà đã trình bày nhà, đất ở không chia mà để làm nơi thờ tự cúng bố mẹ. Trường hợp mà Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ bà, bà đề nghị Tòa án nhà, đất ở, đất ao chia đều cho 6 người con. Nguyện vọng của bà là xin được nhận là quyền sử dụng đất.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 08 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Ph tại xóm 4 xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định mà hiện nay ông Nguyễn Xuân H là người đang quản lý sử dụng. Giá đất theo giá thị trường đất ở 1.800.000đ/m², đất vườn, ao là 800.000đ/m². Về công trình xây dựng: Căn nhà gói 5 gian cụ Nguyễn Văn Ph xây năm 1973 và tu sửa năm 1994 diện tích 57,6m² đã hết khấu hao, không còn giá trị đến thời điểm định giá. Năm 2017, ông H có tu sửa chữa vào căn nhà này giá trị còn lại 100.000.000đ. Nhà bếp và công trình phụ diện tích 32.2m², trong đó phần tường bếp cụ Ph xây đến thời điểm định giá đã hết khấu hao không còn giá trị, năm 2017 ông H xây dựng giá trị còn lại 60.000.000đ. Nhà kho mái bằng để chứa đồ ông H xây dựng năm 2017 giá trị còn lại 30.000.000đ. Sân lát gạch đỏ diện tích 72,24m² ông H làm năm 2017 giá trị còn lại 20.000.000đ. Cổng làm bằng cánh sắt đã hết khấu hao. Tường hoa giáp sân và giáp nhà ông Ch diện tích 3,482m³ xây năm 2017 giá trị còn lại 5.000.000đ. Kè bờ ao và tường ao giáp đất phía Nam của nhà ông Ch xây năm 2017 giá trị còn lại 15.000.000đ. Đoạn tường bao phía tây ông Ch xây năm 2013 giá trị còn lại 3.000.000đ. Đoạn tường bao phía đông ông H xây năm 2017 giá trị còn lại 7.000.000đ. Phần đất gò ao phía đông ông H san lấp 52,3m² có giá là 10.500.000đ.

* Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã X1. Về quan hệ gia đình: Cụ Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1927, chết ngày 27-3-2014, cụ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1927, chết năm 1986.

Cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 sinh được 7 người con đẻ không có con nuôi gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị D, (bà D chết năm 2021, không có chồng con).

Cụ Nguyễn Thị H1 chết đi không để lại di chúc. Trước khi cụ Nguyễn Văn Ph chết thì ngày 15-11-2011 cụ Ph có để lại di chúc trong đó nội dung thể hiện ... “anh Huy là con trai còn đang lao động ở Liên Bang Đức khi nào con trai về nhờ trong họ giúp cho con trai ở năm gian nhà xây để thờ cúng tổ tiên. Vì tuổi cao sức yếu nên phải di chúc lại thổ ở, thổ ở đã được cấp sổ đỏ tờ bản đồ số 08, thửa đất 247 diện tích 612m², đất ở 264m², ao 348m²)” lập ngày 15-11-2011 do cụ Nguyễn Văn Ph ký và có xác nhận của ông Nguyễn Ngọc Đ là trưởng họ.

* Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Thửa đất mà ông Nguyễn Xuân H khởi kiện chia di sản thừa kế có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 tọa lạc tại xóm 10 cũ nay xóm 4 mới, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định.

Trước đây cụ Ph, cụ Huệ có thửa đất này và trên thửa đất có các công trình xây dựng của cụ Ph, cụ Huệ đã kiến thiết theo kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 10-8-2023 thì đều đã hết khấu hao. Ngoài ra năm 2017 ông Nguyễn Xuân H đã tự sửa chữa căn nhà của hai cụ Ph cụ Huệ, đồng thời kiến thiết xây dựng thêm các công trình phụ như bếp, tường bao.

Theo tích lục bản đồ lập năm 1987 tại thửa đất số 369 + 370, tờ bản đồ số 2 của

xã X1 thể hiện: Đất của cụ Ph ở thửa 369 diện tích là 792m², trong đó đất cư 288m², đất ao 504m², đất của cụ H2 là thửa đất số 370 diện tích đất ao 276m².

Sổ mục kê lập năm 1987 thể hiện thửa đất số 369, tờ bản đồ số 2 tên Phương diện tích 792m², trong đó đất ao 504m², đất cư 288m²; Thửa đất số 370 tờ bản đồ số 02 tên Hạ diện tích 276m² đất ao.

Theo trích lục bản đồ lập năm 1992 chỉnh lý năm 1997 thể hiện tên sử dụng là cụ Ph + ông Ch diện tích đất là 900m²; trong đó ông Ch diện tích đất ao 288m²; cụ Ph thổ cư 264m², ao 348m². Thời điểm này ông Ch là người đang sử dụng ao; vị trí có khác nhau so với bản đồ lập năm 1987; (hai hộ gia đình này cùng trên sổ thửa).

Sổ mục kê lập năm 1998 thể hiện thửa 247, tờ bản đồ số 8 mang tên Phương và Cháp, trong đó; cụ Ph sử dụng 264m² đất cư; 348m² đất ao; ông Ch 288m² đất ao.

Theo trích lục bản đồ lập năm 2007 chỉnh lý năm 2020 thể hiện diện tích 969,4m² mang tên hộ sử dụng cụ Nguyễn Văn Ph + hộ ông Nguyễn Văn Ch, trong đó thửa số 196 tờ bản đồ 14 hộ cụ Ph diện tích đất 697,8m²; trong đó đất thổ cư 258m², đất ao 439,8m²; hộ ông Ch thửa đất số 197 diện tích 271,6m²; đất ở 216m²; đất vườn 55,6m² (phần đất này trước đây là của cụ H2, cụ H2 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Ch), vị trí đất lập bản đồ năm 2007 so với bản đồ lập năm 1992 chỉnh lý năm 1997 có khác nhau. (Ban đầu ông Ch đã xây dựng nhà ở phía đông thổ đất, sau đó giữa cụ Ph và ông Ch có sự thay đổi vị trí cụ Ph sử dụng phần đất phía đông, ông Ch sang sử dụng phần đất phía tây; việc bố con chuyển đổi vị trí khác nhau; khi chuyển lại vị trí như hiện trạng bây giờ; cụ Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

So sánh bản đồ lập năm 1987 diện tích đất 1068m², với bản đồ lập năm 1992 diện tích là 900m²; diện tích bản đồ lập năm 1992 giảm 168m²; lý do giảm là sai số khi đo đạc.

So sánh bản đồ lập năm 2007 chỉnh lý năm 2020 diện tích đất của nhà cụ Ph là 697,8m² với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-3-2001 UBND huyện X cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn Ph diện tích đất là 612m² thì diện tích đất theo bản đồ lập năm 2007 tăng lên 85,8m² việc tăng diện tích là do sai số khi đo đạc.

So sánh bản đồ lập năm 2007 chỉnh lý năm 2020 diện tích đất của nhà cụ Ph là 697,8m² với kết quả đo đạc thực tế ngày 10-8-2023 đất của cụ Ph mà hiện ông Nguyễn Xuân H là con trai đang sử dụng thì diện tích là 688m²; diện tích thực tế giảm đi 9,8m²; diện tích giảm do sai số khi đo đạc và đương sự nhận lại mốc giới.

* Đối với phần đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch đang sử dụng có nguồn gốc là của cụ H2, cụ H2 là anh trai của cụ Ph, cụ H2 đã chuyển nhượng cho cụ Ph. Năm 2014 cụ Ph ốm ông Ch trực tiếp cầm tiền trả cho cụ Ph. Do vậy về thực tế giấy tờ thể hiện cụ H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất ao cho ông Ch; (phần đất này ông Ch chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), do vậy bản đồ lập năm 1992 thể hiện cụ Ph diện tích ao 348m², thổ cư 264m², ông Ch 288m²; tại thửa 247 diện tích là 900m².

Lý do xảy ra tranh chấp: Từ năm 2020 trở về trước anh em trong gia đình coi ông Ch không ra gì cũng chỉ vì đất đai, nhưng từ năm 2022 và đầu năm 2023, anh em lại quay ra mâu thuẫn với ông H, lý do ông H ý định xây dựng nhà mới trong khi đó anh em trong gia đình không nhất trí mà cho rằng ông H không có con sau này bà H vợ ông H bây giờ sẽ quản lý hết tài sản của bố mẹ các ông bà này. Khi anh em xảy ra mâu thuẫn, ông H đã làm đơn ra UBND xã để giải quyết; Địa phương và cơ sở đã mời anh chị em trong gia đình là các con cụ Ph ra UBND xã làm việc, UBND xã và cơ sở xóm làm công tác hòa giải giữa các bên để nhằm anh em trong gia đình thống nhất thỏa thuận và giữ gìn tình cảm nhưng anh em trong gia đình là các con cụ Ph không thống nhất được nên địa phương đã hướng dẫn các đương sự khởi kiện ra Tòa án để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

* Về việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước; Khi cụ Nguyễn Văn Ph còn sống là người thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Từ năm 2016 ông Nguyễn Xuân H là người quản lý sử dụng thửa đất của cụ Ph, ông H không phải thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nhà nước không thu thuế). Ngoài ra ông H còn chăm sóc cô em tên là Nguyễn Thị D bị bệnh tâm thần và năm 2021 bà D chết, ông H là người đứng ra lo đám tang cho bà D.

Quan điểm của địa phương: Nay ông Nguyễn Xuân H khởi kiện chia di sản thừa kế đối với ông Nguyễn Văn Ch đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để anh em trong gia đình đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nếu không thống nhất được thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật xem xét giải quyết.

* Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định: Căn cứ vào: Điều 609, 612, 613, 623, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về chia di sản của cụ Nguyễn Văn Ph.

Giao và chia cho Nguyễn Xuân H được quyền sử dụng diện tích đất là 440.88m², trong đó được hưởng theo kỷ phần 57.3m² giá trị 67.840.000đ; còn 344m² đất là phần di sản hết thời hiệu khởi kiện (đất ở 122.5m², đất ao 318.38m²) tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1. Ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị H1 được quyền sử dụng các công trình xây dựng nằm trên diện tích đất nói trên. Ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị H1 được quyền tháo dỡ công trình xây dựng trên phần của mình (nhà, bếp, tường..) mà không ai được ngăn cản.

Chia cho ông Nguyễn Văn Ch được quyền sử dụng diện tích đất ao 84.8m² trị giá 67.840.000đ (đất ao 84,8m² x 800.000đ/m²) cùng phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1. (Ông Ch không phải thanh toán giá trị phần công trình xây dựng cho ông Nguyễn Xuân

H, bà Vũ Thị H1).

Chia cho bà Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 40.3m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.6m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 4.7m² x 800.000đ/m²) cùng phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1; (Bà Ng không phải thanh toán giá trị phần công trình xây dựng cho ông Nguyễn Xuân H, bà Vũ Thị H1).

Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 40.8m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.4m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 5.6m² x 800.000đ) cùng phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1; (Bà B không phải thanh toán giá trị phần công trình xây dựng cho ông Nguyễn Xuân H, bà Vũ Thị H1).

Chia cho bà Nguyễn Thị B1 được quyền sử dụng diện tích đất 40.55m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.2m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 5.15m² x 800.000đ/m²) cùng phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1; (Bà B1 không phải thanh toán giá trị phần công trình xây dựng cho ông Nguyễn Xuân H, bà Vũ Thị H1).

Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 40.67m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.3m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 5.37m² x 800.000đ/m²) cùng phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất này tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1; (Ông H không phải thanh toán giá trị phần công trình xây dựng cho ông Nguyễn Xuân H, bà Vũ Thị H1).

Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị H1 có trách nhiệm giao lại đất và phần công trình xây dựng đó cho ông Nguyễn Văn Ch; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B1 mà những người này được hưởng.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn Ph và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được hưởng diện tích đất nói trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp đảm bảo thi hành án của các đương sự.

* Ngày 29 tháng 9 năm 2023 ông Nguyễn Văn Ch là bị đơn, ngày 03 tháng 10 năm 2023 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B, ngày 05 tháng 10 năm 2023 bà Nguyễn Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023

của Toà án nhân dân huyện X với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, tuy cụ Huệ đã chết hơn 30 năm nhưng đó là tài sản của cụ Huệ lại chia cho một mình ông H là không đúng. Ông Ch, bà B, ông H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết chia phần tài sản của cụ Huệ cho tất cả các hàng thừa kế, nay Toà án đã thụ lý giải quyết thì phải chia công bằng, ông H không phải là người quản lý di sản. Nếu phần tài sản của cụ Huệ không chia cho hàng thừa kế thì phần tài sản của cụ Huệ được đưa vào làm nơi thờ cúng chung cho các con các cháu mãi mãi về sau.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm, không Ch nhận lý do kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không Ch nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 để lại gồm diện tích đất 688m², tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 14 năm 2007 tại xã X1, huyện X. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho ông Nguyễn Văn Ch được quyền sử dụng diện tích đất ao 84.8m² trị giá 67.840.000đ, bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 40.8m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.4m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 5.6m² x 800.000đ), ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 40.67m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.3m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 5.37m² x 800.000đ/m²), bà Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 40.3m² trị giá 67.840.000đ (trong đó đất ở 35.6m² x 1.800.000đ/m²; đất ao 4.7m² x 800.000đ/m²) là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông Ch, bà B, ông H, bà Ng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên toà nhưng đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Xuân H nên việc xét xử vắng mặt bà H không ảnh hưởng gì đến quyền

và lợi ích hợp pháp của bà Huệ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huệ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện X như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết chia phần tài sản của cụ Huệ cho tất cả các hàng thừa kế, nay Tòa án đã thụ lý giải quyết thì phải chia công bằng, ông H không phải là người quản lý di sản. Nếu phần tài sản của cụ Huệ không chia cho hàng thừa kế thì phần tài sản của cụ Huệ được đưa vào làm nơi thờ cúng chung cho các con các cháu mãi mãi về sau thấy rằng: Cụ Nguyễn Văn Ph chết năm 2014, cụ Nguyễn Thị H1 chết năm 1986. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ Huệ đã hết thời hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về chia thừa kế tài sản, đối chiếu với các quy định của khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 có quy định “thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó” cho nên đối với phần di sản của cụ Huệ $688m^2 : 2 = 344m^2$ đã hết thời hiệu khởi kiện nên thuộc về ông H là người đang quản lý di sản. Cụ Nguyễn Văn Ph chết năm 2014 thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Ph vẫn còn thời hiệu chia di sản thừa kế.

[5] Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 sinh được 7 người con để không có con nuôi gồm: Bà Nguyễn Thị Ng; ông Nguyễn Xuân H; ông Nguyễn Văn Ch; ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị B; bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị D, (bà D chết năm 2021) nên phần di sản của bà D được hưởng của cụ Ph sẽ thuộc về tất cả các người con còn lại của cụ Ph và cụ Huệ gồm bà Ng, ông H, ông Ch, ông H, bà B, bà B1. Như vậy, chỉ còn 6 người con của cụ Ph, cụ Huệ là hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Nguyễn Văn Ph.

[6] Xét về bản di chúc của cụ Nguyễn Văn Ph lập ngày 15-11-2011 nội dung là nhà, đất của cụ Ph để cho ông Nguyễn Xuân H sử dụng và thờ cúng. Về hình thức và nội dung của văn bản này chưa phù hợp với quy định của pháp luật, văn bản này không có chứng thực theo quy định của pháp luật. Mặt khác, các đồng thừa kế cũng không thừa nhận đó là bản di chúc của cụ Ph, bản di chúc này cụ Ph định đoạt cả phần di sản

của cụ Nguyễn Thị H1 nên bản di chúc này không được công nhận là di chúc hợp pháp nên phần di sản của cụ Ph sẽ được chia theo quy định của pháp luật.

[7] Khi hai cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 còn sống có thửa đất số 247, tờ bản đồ số 08 có diện tích đất là 612m^2 trong đó có đất ở 264m^2 , đất ao 348m^2 . Ngày 13-3-2001 đã được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Ph và trên thửa đất này cụ Ph đã kiến thiết xây dựng nhà 5 gian cấp 4, bếp. Căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 10-8-2023 thì diện tích đất của cụ Ph và cụ Huệ là 688m^2 , các công trình xây dựng mà trước đây hai cụ xây đều đã hết khấu hao không còn giá trị mà chỉ còn phần giá trị các công trình từ năm 2017 ông Nguyễn Xuân H là con của cụ Ph tu sửa và xây dựng mới.

[8] Do các con của cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị H1 phát sinh mâu thuẫn, không thống nhất được cách giải quyết đất đai của bố mẹ chết để lại nên ông Nguyễn Xuân H đã khởi kiện. Từ năm 2016 đến nay ông H là người quản lý, trông coi nhà cửa của hai cụ và chăm sóc bà D và lo làm tang cho bà D. Khi ông ở căn nhà của hai cụ, ông H đã tu sửa và xây dựng một số công trình như bếp, lán đề đồ, xây tường bao ao, lát sân... Khi ông H làm anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Như vậy, phần di sản của cụ Nguyễn Văn Ph có diện tích đất là 344m^2 (trong đó đất ở 132m^2 , đất ao 212m^2 sẽ chia 6 kỷ phần cho các hàng thừa kế (giá đất ở $1.800.000\text{đ}/\text{m}^2$; giá đất vườn, ao $800.000\text{đ}/\text{m}^2$). Mỗi kỷ phần được hưởng diện tích đất là $57,3\text{m}^2$ trị giá $67.840.000\text{đ}$ (trong đó đất ở $22\text{m}^2 \times 1.800.000\text{đ} = 39.600.000\text{đ}$; đất ao $35,3\text{m}^2 \times 800.000\text{đ} = 28.240.000\text{đ}$). Đối với nhà của 2 cụ Ph và một số hạng mục khác hết khấu hao không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét cũng như ông H không yêu cầu là phù hợp. Ông Nguyễn Xuân H có ý kiến là khi Tòa án giao kỷ phần của các thừa kế khác được hưởng vào công trình xây dựng như nhà và công trình khác mà ông đã bỏ tiền ra để kiến thiết, ông H không yêu cầu người đó phải thanh toán lại giá trị. Xét thấy ông H không yêu cầu các đồng thừa kế đó phải thanh toán lại giá trị nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Căn cứ vào hình thể thửa đất cũng như các công trình xây dựng trên thửa đất Hội đồng xét xử sẽ phân chia cho phù hợp và tiện việc sử dụng, có người được hưởng kỷ phần là toàn đất ao, có người được hưởng là đất ở, đất ao nhưng cân đối giữa đất ở và đất ao giá trị mà các đồng thừa kế được hưởng là như nhau. Từ những phân tích đánh giá lập luận ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về chia di sản của cụ Nguyễn Văn Ph theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[9] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Ng không được

chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Các đương sự được hưởng kỷ phần là di sản nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản mà mình được hưởng. Đối với ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí, còn bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị B1 là người cao tuổi không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ng không được chấp nhận nên ông Ch, ông H, bà B, bà Ng phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng hiện nay ông Ch, ông H, bà B, bà Ng là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Ch, ông H, bà B, bà Ng được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện X.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân H số tiền 7.000.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003251 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Buộc bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Ng mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 3.392.000đ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Ng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu HS, VP.

Lại Văn Tùng